TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phúc
2. Ông Phạm Công Danh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐ-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Nguyễn Thị D, sinh năm 1977
Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố Cần Thơ.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Huỳnh Văn T, sinh năm 1969
Địa chỉ: Ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/12/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Nguyên trước đây chị và anh Huỳnh Văn T được mai mối quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân. Được sự đồng thuận của hai bên gia đình, chị và anh Thủy tổ C tiệc cưới theo phong tục của người Việt Nam. Sau khi kết hôn, chị và anh T

sống và làm việc tại ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ). Trong quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Thị Thủy T1, giới tính nữ, sinh ngày 13/01/1997 và cháu Huỳnh Phi L, giới tính nam, sinh ngày 08/11/2003. Hiện nay các con của chị đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cháu Huỳnh Thị Thủy T1 đã lập gia đình ra riêng; cháu Huỳnh Phi L hiện đang sinh sống, làm việc cùng với anh chị và đang trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự. Về con chung đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn, được sự can thiệp, khuyên ngăn từ các con nhưng tình trạng vẫn không cải thiện. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn anh Huỳnh Văn T có địa chỉ tại xã T nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị D. Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Con chung của chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị D phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu .

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung của chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai số 0003595 ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị D đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Huỳnh Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Thanh Xuân, TP. Cần Thơ;
- UBND xã Thạnh Xuân, TP. Cần Thơ
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đua